

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày: 24-4-2020

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất khi hết thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất; Bồi thường tài sản trên đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Công**

Bà **Trần Thị Dịu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất khi hết thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất; Bồi thường tài sản trên đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chùa L

Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo H, sinh năm 1984, (Pháp danh: Thích Thông T) – Trụ trì Chùa L, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hải, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, vắng mặt.

2. Các bị đơn:

- Ông Phan Đình T, sinh năm 1967, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Thái Thị Kim H, sinh năm 1975, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người kháng cáo:* Chùa L do ông Nguyễn Bảo H (Pháp danh: Thích Thông T – Trụ trì Chùa L) là người đại diện theo pháp luật.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ông Nguyễn Bảo H (Pháp danh: Thích Thông T – Trụ trì Chùa L) – người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Chùa L trình bày:

Chùa L được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S538108 ngày 18/02/2004 đối với các thửa đất số 385, diện tích 7.877m²; thửa đất số 399, diện tích 873m²; thửa đất số 409, diện tích 781m²; thửa đất số 419, diện tích 947m²; thửa đất số 420, diện tích 1.838m², tất cả thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Đến ngày 26/8/2014, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số BQ699968 cho Chùa L đối với các thửa đất diện tích như trên.

Vào ngày 10/8/2009, đại diện Ban hộ tự Chùa L là ông Lê Thái H có cho vợ chồng ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H thuê thửa đất số 399, diện tích 873m² và một phần thửa đất số 385, diện tích 483m² (không đo đạc thực tế) với số tiền 2.443.000 đồng, có làm hợp đồng thuê đất. Thời hạn thuê đất là 05 năm kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 10/8/2014. Đến năm 2014, khi hết thời hạn cho thuê đất, Chùa L có yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả lại diện tích đất thuê nhưng đến nay vợ chồng ông T, bà H không trả. Từ năm 2014 cho đến nay Chùa L không thu tiền thuê đất. Nay Chùa L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T phải trả lại thửa đất số 399, diện tích 873m² và một phần thửa đất số 385, diện tích 483m² (theo đo đạc lại là thửa 682 có diện tích 588m²) cho Chùa L. Đối với các công trình kiến trúc, cây trồng có trên đất buộc ông T, bà H phải tự tháo dỡ. Chùa L không có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ bất kỳ tài sản nào cho vợ chồng ông T, bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Đình T trình bày và có yêu cầu như sau:

Nguồn gốc đất Chùa L có trước năm 1975 với tổng diện tích là 12.000m². Để chính quyền không tiếp tục thu hồi diện tích đất còn lại là 12.000m² của Chùa L, trụ trì Chùa L là thầy Thích Quảng N đã gọi gia đình bà Dương Thị Tuyết là phật tử của chùa tranh thủ phục hóa diện tích đất còn lại, một mình bà Tuyết không làm hết nên kêu gọi 05 gia đình khác trong đó có gia đình ông, nhờ đó mà diện tích 12.000m² của Chùa L mới được giữ đến ngày hôm nay. Từ năm 1989 đến năm 2009 ông có thuê diện tích đất trong 1.200m² của Chùa L, người đứng ra cho ông thuê là trụ trì Thích Quảng N. Trong quá trình thuê đất vợ chồng ông có bỏ công đào gốc cây, san đất vì chỗ cao chỗ thấp không được bằng phẳng.

Vào ngày 10/8/2009, đại diện Ban hộ tự Chùa L là ông Lê Thái H có cho vợ chồng ông tiếp tục thuê lại thửa đất số 399, diện tích 873m² và một phần thửa đất số 385, diện tích 483m² (đo đạc thực tế thửa đất 399, diện tích 873m²; một phần thửa đất số 385, diện tích 588m²). Thời hạn thuê đất là 05 năm kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 10/8/2014 với số tiền 2.443.000 đồng, vợ chồng ông đã trả hết tiền thuê đất. Đầu năm 2014 vợ chồng ông có trồng 144 gốc nho xanh trên thửa đất 399 và 33 gốc táo trên một phần thửa đất 385.

Nay Chùa L yêu cầu vợ chồng ông phải trả lại đất thì vợ chồng ông không đồng ý và có mong muốn Chùa L cho vợ chồng ông thuê tiếp. Nếu Chùa L không cho thuê tiếp, vợ chồng ông yêu cầu Chùa L phải bồi thường giá trị tài sản trên đất và công cải tạo đất 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông đồng ý trả lại đất, yêu cầu bồi thường công cải tạo đất là 10.000.000 đồng và bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất theo Biên bản định giá ngày 10/6/2019.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 703, 704, 707, 713 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn là vợ chồng ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H phải trả lại cho Chùa L: thửa đất số 399 có diện tích 873m² và thửa đất số 682 có diện tích 588m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh N;

- Buộc nguyên đơn Chùa L phải bồi thường tiền công cải tạo đất cho bị đơn là vợ chồng ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Buộc nguyên đơn Chùa L phải bồi thường giá trị tài sản trên đất cho bị đơn là vợ chồng ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H số tiền 14.306.921 đồng. Tổng cộng 18.306.921 đồng (Mười tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn chín trăm hai mươi một đồng).

- Nguyên đơn Chùa L được quyền sở hữu, sử dụng 75m đường mương nước xây bằng gạch có chiều rộng 30cm, chiều cao 30cm (01 đường mương dài 48 mét, 01 đường mương dài 17 mét, 01 đường mương dài 10 mét); 144 cây nho xanh và giàn nho trên thửa đất số 399 có diện tích 873m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh N.

- Buộc bị đơn là vợ chồng ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 33 gốc táo và giàn táo ra khỏi thửa đất số 682 có diện tích 588m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí đo đạc, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2019, ông Nguyễn Bảo H (Pháp danh: Thích Thông T – Trụ trì Chùa L) – Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Chùa L có đơn kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông không đồng ý bồi thường số tiền 9.986.000 đồng là giá trị của 144 cây nho và giàn nho.

Ngày 14/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 305/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

Kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Toà án nhân dân huyện N về phần giải quyết tài sản trên đất và phần án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng:

- Không buộc Chùa L phải nhận lại 144 cây nho xanh và giàn nho đã trồng trên đất;

- Về án phí, phần yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận thì phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị và kháng cáo; sửa bản án sơ thẩm không buộc Chùa L phải nhận 144 cây nho xanh và bồi thường cây trồng trên đất; Xác định nghĩa vụ chịu án phí đối với phần yêu cầu của bị đơn không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Chùa L kháng cáo đúng hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS.

Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N đúng thời hạn.

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; Cơ quan kháng nghị giữ nguyên nội dung kháng nghị. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các bị đơn ông Phan Đình T và bà Thái Thị Kim H vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền của Chùa L vắng mặt nhưng đại diện theo pháp luật của Chùa L vẫn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền nên Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý bồi thường số tiền 9.986.000 đồng là giá trị của 144 cây nho và giàn nho; Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N cho rằng bản án sơ thẩm giao 144 cây nho và giàn nho cho Chùa L sử dụng là trái quy định của pháp luật.

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa Chùa L (bên cho thuê) và ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H (bên thuê) không có điều khoản thỏa thuận, ràng buộc bên cho thuê quyền sử dụng đất phải nhận cây trồng hoặc tài sản trên đất và hoàn trả giá trị cho bên thuê đất khi hết thời hạn của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất. Hết thời hạn thuê, bên thuê đất tiếp tục canh tác, thay cây trồng mới nhưng chưa thông qua ý kiến, chưa được sự đồng ý của bên cho thuê đất. Điều 707 khoản 5 của Bộ luật dân sự 2005 (BLDS 2005) quy định bên thuê quyền sử dụng đất phải trả lại đất đúng tình trạng như khi nhận đất sau khi hết thời hạn thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó Bản án sơ thẩm buộc Chùa L phải hoàn trả 40% giá trị giàn nho và 144 cây nho xanh tương ứng số tiền 9.986.000 đồng là không có căn cứ. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận tranh luận cũng như kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của VKSND huyện N.

[3] Xét kháng nghị của VKSND huyện N cho rằng phải buộc bị đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận.

Phần ý kiến của bị đơn cho rằng nếu không được gia hạn thời hạn thuê đất thì nguyên đơn phải bồi thường công cải tạo đất 10.000.000đ và bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất theo kết quả định giá ngày 10/6/2019, theo kết quả định giá thì tài sản trên đất trị giá 108.776.421 đồng. Như vậy, bị đơn có yêu cầu phản tố trị giá 118.776.421 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố (tương ứng 18.306.921 đồng) nhưng không buộc bị đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, nội dung kháng nghị của VKSND huyện N có căn cứ.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn tiếp tục sử dụng đất từ 06 tháng đến 01 năm thì tháo dỡ toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc để trả lại đất; bị đơn đồng ý và đề nghị được sử dụng đất từ 03 đến 04 năm thì sẽ tự tháo dỡ cây trồng, vật kiến trúc để trả lại đất. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy, từ thời điểm hết thời hạn thuê đất (tháng 8/2014) cho đến nay, bị đơn vẫn tiếp tục canh tác và hưởng lợi tức trong khi nguyên đơn không được trả tiền thuê đất trong khoảng thời gian này. Do đó, chỉ chấp nhận cho bị đơn tiếp tục sử dụng các thửa đất để canh tác hưởng lợi tức từ cây trồng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021; trong khoảng thời gian này, bị đơn không được thay đổi hiện trạng đất cũng như cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Hết thời hạn này, bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng để trả lại toàn bộ diện tích đất cho nguyên đơn; nguyên đơn không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bị đơn đối với cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

[5] Căn cứ những lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận tranh luận và kháng cáo của nguyên đơn; Chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị đơn tiếp tục canh tác đất và khi hết thời hạn thì tự tháo dỡ cây trồng, vật kiến trúc để trả lại đất nên bị đơn chỉ phải chịu án phí 300.000 đồng do yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn được chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản

Chi phí đo đạc, định giá tài sản là 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên, Điều 308 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; các Điều 147, 148, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 703, 704, 707, 713 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chùa L đòi lại quyền sử dụng đất đối với các bị đơn ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H.

3. Ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H là những người đang canh tác cây trồng trên thửa đất số 399, diện tích 873m² và thửa đất số 682, diện tích 588m², thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được tiếp tục canh tác cây trồng trên đất và sử dụng vật kiến trúc trên đất trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021 phải tháo dỡ vật kiến trúc, cây trồng trên các thửa đất để trả lại quyền sử dụng đất cho Chùa L. Các tài sản và vật kiến trúc hiện nay đang tồn tại trên các thửa đất và buộc vợ chồng ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H phải có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ khi kết thúc thời hạn lưu canh trên đất (01 năm từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021) gồm:

- Thửa đất 399 diện tích 873m² có 144 cây nho xanh và giàn nho; một đường mương xây gạch dài 17m, cao 30cm, rộng 30cm; một đường mương xây gạch 10m, cao 30cm, rộng 30cm; 01 giếng nước đường kính 01m, sâu 2m; 01 đường ống nước nhựa dài 80m, đường kính 06cm; 01 đường dây điện dài 200m, 01 giếng nước nổi đường kính 0,7bi cao 0,8m.

- Thửa 682 (trước đây là thửa 385) diện tích 588m² có 33 cây táo ghép, 01 giàn táo 588m²; đường mương xây gạch 48m, cao 30cm, rộng 30cm.

4. Ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H không được thay đổi hiện trạng đất, vật kiến trúc; không được thay đổi cây trồng trên các thửa đất trong thời hạn lưu canh (từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021).

5. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Buộc ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H phải liên đới không phân chia phần hoàn trả cho Chùa L 1.700.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Chùa L không phải chịu án phí được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015921 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (Biên lai do ông Nguyễn Bảo H nộp tiền).

- Bị đơn ông Phan Đình T, bà Thái Thị Kim H phải liên đới không phân chia phần chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Chùa L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021175 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (Biên lai do ông Nguyễn Bảo H nộp tiền).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên